

## I. BẢNG GIÁ GIAO HÀNG NHANH NỘI THÀNH

| Gói Dịch Vụ                 | Thời gian tạo đơn  | Thời gian lấy hàng và giao hàng                   | Khối lượng | Nội thành     | Ngoại thành   | Ngoại thành 2 |
|-----------------------------|--|---|------------|---------------|---------------|---------------|
| <b>Qua ngày (24h)</b>       | Trước 17h  | Lấy hàng trước 18h, giao hàng trong ngày kế tiếp. | <b>3kg</b> | <b>20,000</b> | <b>30,000</b> | <b>40,000</b> |
| <b>Giao nhanh (6h)</b>      | Trước 11h  | Lấy hàng trước 12h, giao trong chiều trước 18h    | <b>3kg</b> | <b>25,000</b> | <b>35,000</b> |               |
|                             | Trước 17h  | Lấy hàng trước 18h, giao trước 12h ngày hôm sau.  |            |               |               |               |
| Mỗi <b>0.5 kg</b> tiếp theo |  |   |            | <b>2,000</b>  | <b>2,500</b>  | <b>3,000</b>  |
| <b>Nội thành:</b>           | Quận 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 10, 11, Bình Thạnh, Gò Vấp, Phú Nhuận, Tân Bình, Tân Phú.   |   |            |               |               |               |
| <b>Ngoại thành</b>          | Quận 9, Quận 12, Thủ Đức, Bình Tân.  |   |            |               |               |               |
| <b>Ngoại thành 2</b>        | Huyện Nhà Bè, Bình Chánh, Hóc Môn, Củ Chi  |   |            |               |               |               |
| <b>Ưu điểm</b>              | <ul style="list-style-type: none"> <li>Lấy hàng và giao hàng đúng cam kết.</li> <li>Miễn phí thu hộ, miễn phí chuyển hoàn, bảo hiểm (đến 3 triệu đồng)</li> <li>Hỗ trợ giao lại nhiều lần</li> <li>Đổi thông tin người nhận (tên, SĐT), địa chỉ nhận hàng, tiền thu hộ (COD)</li> <li>Trả tiền thu hộ đúng hạn 2,4,6 hoặc thỏa thuận</li> <li>Xử lý khiếu nại nhanh trên App, web, hotline CSKH, room skype riêng</li> <li>Cam kết tỉ lệ đơn hàng thành công.</li> <li>Định vị đơn hàng theo thời gian thực (GPS)</li> <li>Quản lý đối soát đơn hàng, công nợ trên web, app mọi lúc mọi nơi</li> </ul> |   |            |               |               |               |

**Dịch Vụ Công Thêm.**

| STT | Tên Dịch Vụ                   | Giá cước dịch vụ        | Chú Thích  |
|-----|-------------------------------|-------------------------|--|
| 1   | <b>Thu hộ</b>                 | <b>Miễn phí</b>         | Không hạn chế số tiền  |
| 2   | <b>Khai giá (Bảo Hiểm)</b>    | <b>Dưới 3 triệu</b>     | <b>Miễn phí</b>  |
|     |                               | Từ 3 triệu đến 30 triệu | 0.5% giá trị khai báo  |
|     |                               | Trên 30 triệu           | 1% giá trị khai báo  |
| 3   | <b>Chuyển hoàn</b>            | <b>Miễn phí</b>         |  |
| 4   | <b>Cho xem hàng</b>           | <b>Miễn phí</b>         | Cho khách xem hàng khi có yêu cầu từ người gửi.                  |
| 5   | <b>Mua 1 Trả 1 (Báo Phát)</b> | <b>5,000 đ/đơn</b>      | Mang về sản phẩm đổi trả hoặc hoá đơn chứng từ về cho người gửi. |

**Lưu ý:** - Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%.

- Giá trên chưa gồm phí đóng gói, gia cố hàng hóa (nếu có)

- Hàng hóa nhẹ, cồng kềnh được quy đổi ra khối lượng theo công thức sau:

$$\text{Trọng lượng quy đổi (kg)} = \text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao} / 6000$$

## II. BẢNG GIÁ CHUYỂN PHÁT NHANH LIÊN TỈNH

**Tổng Cước = Cước Chính x 10% Vat + Phí thu hộ (nếu có + Phí Bảo Hiểm (nếu có))**

| KHU VỰC                               | NỘI VÙNG<br>HCM ↔ Vùng 1<br>ĐN ↔ Vùng 2<br>HN ↔ Vùng 3  |                         | CÁCH VÙNG<br>HCM ↔ Vùng 2, 3<br>HN ↔ Vùng 1, 2<br>ĐN ↔ Vùng 1, 3 |                         | ĐẶC BIỆT<br>HCM ↔ HN<br>HCM ↔ ĐN<br>HN ↔ ĐN |                       |                        |
|---------------------------------------|---|-------------------------|--|-------------------------|---|-----------------------|------------------------|
|                                       | TRỌNG LƯỢNG<br>(Gram)   | Trung tâm<br>(1-2 ngày) | Huyện Xã<br>(2-3 ngày)   | Trung tâm<br>(2-3 ngày) | Huyện Xã<br>(3-4 ngày)                      | Trung tâm<br>(1 ngày) | Huyện Xã<br>(1.5 ngày) |
| <b>Từ 0 – 500</b>                     |   | 25,000                  | 35,000   | 35,000                  | 45,000                                      | 30,000                | 40,000                 |
| <b>Trên 500 – 1,000</b>               |   | 35,000                  | 45,000   | 50,000                  | 60,000                                      | 45,000                | 55,000                 |
| <b>Trên 1,000 – 1,500</b>             |   | 45,000                  | 55,000   | 65,000                  | 75,000                                      | 55,000                | 65,000                 |
| <b>Trên 1,500 – 2,000</b>             |   | 55,000                  | 65,000   | 80,000                  | 90,000                                      | 70,000                | 80,000                 |
| <b>500 gram tiếp theo</b>             |   | 4,500                   | 5,500  | 11,000                  | 13,000                                      | 9,000                 | 10,000                 |
| <b>Vùng 1</b><br>(22 tỉnh Miền Nam)   | An Giang, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Khánh Hòa, Long An, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.  |                         |  |                         |   |                       |                        |
| <b>Vùng 2</b><br>(10 tỉnh Miền Trung) | Bình Định, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Huế, Kon Tum, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng trị.   |                         |  |                         |   |                       |                        |
| <b>Vùng 3</b><br>(27 tỉnh Miền Bắc)   | Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Hòa Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Bình, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái. |                         |  |                         |   |                       |                        |

- Lưu ý:** - Giá trên chưa bao gồm VAT 10%  
 - Giá trên chưa gồm phí đóng gói hàng hóa (nếu có)  
 - Công thức tính quy đổi hàng công kênh (cm)

Trọng lượng quy đổi (kg) = Dài x Rộng X Cao / 6000

### **Dịch Vụ Công Thêm.** (Giá trên chưa bao gồm VAT 10%)

| STT | Tên Dịch Vụ                   | Giá cước dịch vụ       |         | Ghi chú  |
|-----|-------------------------------|------------------------|---------|--|
| 1   | Thu hộ                        | Đến 300,000đ           | 13,000đ | <b>Miễn phí thu hộ</b> đối với khách hợp đồng trong Khu vực trung tâm TP 63 tỉnh thành |
|     |                               | Trên 300,000 – 600,000 | 15,000đ |  |
|     |                               | Trên 600,000 – 1 triệu | 17,000đ |  |
|     |                               | Trên 1 triệu           | 1.2%    |  |
| 2   | <b>Khai giá</b><br>(Bảo Hiểm) | 2% giá trị khai báo    |         | Hàng hóa giá trị cao nên mua bảo hiểm để được đền bù đúng 100% giá trị                 |
| 3   | <b>Cho xem hàng</b>           | <b>Miễn phí</b>        |         | Khi có yêu cầu của người gửi.  |
| 4   | <b>Báo Phát</b>               | <b>5,000 đ/đơn</b>     |         | Mang về hoá đơn chứng từ về cho người gửi.   |
| 5   | <b>Chuyển hoàn</b>            | 50% cước chiều đi      |         | Áp dụng cho Khu vực Trung Tâm  |
|     |                               | 100% cước chiều đi     |         | Áp dụng cho các khu vực Huyện xã   |

### III. BẢNG GIÁ CHUYỂN PHÁT TIẾT KIỆM

**Tổng Cước = Cước Chính x 10% Vat + Phí thu hộ (nếu có) + Phí Bảo Hiểm (nếu có)**

| KHU VỰC                               | NỘI VÙNG<br>HCM ↔ Vùng 1<br>ĐN ↔ Vùng 2<br>HN ↔ Vùng 3  |               | LIÊN VÙNG<br>HCM ↔ Vùng 2<br>HN ↔ Vùng 2<br>ĐN ↔ Vùng 1, 3 |               | CÁCH VÙNG<br>HCM ↔ Vùng 3<br>HN ↔ Vùng 1 |               |
|---------------------------------------|---|---------------|--|---------------|--|---------------|
|                                       | Trung tâm   | Huyện Xã      | Trung tâm  | Huyện Xã      | Trung tâm                                | Huyện Xã      |
| <b>TRỌNG LƯỢNG (Kg)</b>               |   |               |  |               |  |               |
| <b>Đến 3Kg</b>                        | <b>38,500</b>   | <b>43,700</b> | <b>44,000</b>  | <b>50,000</b> | <b>49,500</b>                            | <b>60,000</b> |
| <b>Trên 3kg – 30kg</b>                | 3,700   | 4,200         | 4,800  | 5,500         | 6,000                                    | 6,800         |
| <b>Trên 30kg – 200kg</b>              | 2,500   | 2,800         | 3,300  | 3,700         | 4,000                                    | 5,600         |
| <b>Trên 200kg – 500kg</b>             | 2,200   | 2,500         | 3,000  | 3,500         | 3,800                                    | 5,300         |
| <b>Trên 500 kg</b>                    | 1,900   | 2,200         | 2,800  | 3,200         | 3,500                                    | 5,000         |
| <b>Vùng 1</b><br>(22 tỉnh Miền Nam)   | An Giang, Bình Dương, Bình Phước, Bà Rịa - Vũng Tàu, Bạc Liêu, Bến Tre, Bình Thuận, Cà Mau, Cần Thơ, Đồng Nai, Đồng Tháp, Hậu Giang, Kiên Giang, Khánh Hòa, Long An, Lâm Đồng, Ninh Thuận, Sóc Trăng, Tây Ninh, Tiền Giang, Trà Vinh, Vĩnh Long.  |               |  |               |  |               |
| <b>Vùng 2</b><br>(10 tỉnh Miền Trung) | Bình Định, Đắk Lắk, Đắk Nông, Gia Lai, Huế, Kon Tum, Phú Yên, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Quảng Trị.   |               |  |               |  |               |
| <b>Vùng 3</b><br>(27 tỉnh Miền Bắc)   | Bắc Cạn, Bắc Giang, Bắc Ninh, Cao Bằng, Điện Biên, Hà Giang, Hà Nam, Hà Tĩnh, Hải Dương, Hưng Yên, Hải Phòng, Hòa Bình, Lào Cai, Lạng Sơn, Lai Châu, Nam Định, Nghệ An, Ninh Bình, Phú Thọ, Quảng Ninh, Quảng Bình, Sơn La, Thái Bình, Thái Nguyên, Thanh Hóa, Tuyên Quang, Vĩnh Phúc, Yên Bái. |               |  |               |  |               |
| <b>Chỉ tiêu thời gian</b>             | Vùng 1: 2-3 ngày<br>Vùng 2: 3-4 ngày<br>Vùng 3: 4-5 ngày<br>Huyện xã vùng xa thêm 2-3 ngày kết nối  |               |  |               |  |               |

**Ghi chú:**

- Giá trên chưa bao gồm VAT 10%
- Phụ phí khai thác hàng hóa là 1.000đ/kg , tối thiểu 10.000đ/đơn hàng
- Hàng nguyên khối (nguyên kiện) từ 200kg trở lên sẽ thu thêm phí nâng hạ theo thỏa thuận cụ thể của mỗi lô hàng.
- Công thức tính hàng nhẹ, công kênh (cm)

$$\text{Trọng lượng quy đổi (kg)} = \text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao} / 3000$$

(Lấy mức khối lượng nào cao hơn khi so sánh giữa khối lượng thực và khối lượng quy đổi)

- Giá trên chưa gồm phí khai giá /bảo hiểm hàng hóa và phí thu hộ (nếu có xem tại bảng giá chuyển phát nhanh)
- Giá trên chưa gồm phí đóng gói hàng hóa.
- Hàng hóa quý khách phải tự đóng gói cẩn thận đúng theo đúng quy định của ProShip .

## IV. BẢNG GIÁ GỬI HÀNG HỎA TỐC ĐI TỈNH TRONG NGÀY

Đơn vị tính: VND/kg

| Hành trình   |                  | Chỉ tiêu thời gian |                     | Giá cước              |                      | Khu vực phát                 |
|--|------------------|--------------------|---------------------|-----------------------|----------------------|------------------------------|
| Từ   | Đến              | Thời gian nhận     | Thời gian giao      | Đến 3kg               | Mỗi kg tiếp theo     |                              |
| <b>HCM</b>   | <b>Hà Nội</b>    | Trước 10h30        | Trước 17h30         | <b>350,000</b>        | <b>35,000</b>        | Các quận nội thành           |
|  |                  | Trước 14h          | Trước 21h30         |                       |                      |                              |
|  |                  | Trước 20h          | Trước 10h (hôm sau) |                       |                      |                              |
|  | <b>Đà Nẵng</b>   | Trước 12h          | Trước 19h           | <b>250,000</b>        | <b>25,000</b>        | Các quận nội thành           |
|  |                  | Trước 15h          | Trước 22h           |                       |                      |                              |
|  |                  | Trước 20h          | Trước 10h (hôm sau) |                       |                      |                              |
|  | <b>Vinh</b>      | Trước 12h          | Trước 22h           | <b>350,000</b>        | <b>35,000</b>        | Các phường Nội thành         |
|  |                  | Trước 20h          | Trước 10h (hôm sau) |                       |                      |                              |
|  | <b>Hải Phòng</b> | Trước 12h          | Trước 22h           | <b>350,000</b>        | <b>35,000</b>        | Các quận nội thành           |
|  |                  | Trước 20h          | Trước 10h (hôm sau) |                       |                      |                              |
|  | <b>Thanh Hóa</b> | Trước 12h          | Trước 22h           | <b>350,000</b>        | <b>35,000</b>        | Các phường Nội thành         |
|  |                  | Trước 20h          | Trước 10h (hôm sau) |                       |                      |                              |
|  | <b>Nha Trang</b> | Trước 10h          | Trước 20h           | <b>250,000</b>        | <b>25,000</b>        | Nội thành                    |
|  |                  | Trước 20h          | Trước 8h (hôm sau)  |                       |                      |                              |
|  | <b>Phú Quốc</b>  |                    |                     |                       |                      | Nội thành                    |
|  |                  | Trước 15h          | Trước 10h (hôm sau) | <b>250,000</b>        | <b>25,000</b>        |                              |
| <b>Cần Thơ</b>   | Trước 12h        | Trước 17h          | <b>250,000</b>      | <b>25,000</b>         | Các quận nội thành   |                              |
|  | Trước 17h        | Trước 9h (hôm sau) |                     |                       |                      |                              |
| <b>Vũng Tàu</b>  | Trước 12h        | Trước 15h          | <b>150,000</b>      | <b>15,000</b>         | Các phường Nội thành |                              |
|  | Trước 15h        | Trước 18h          |                     |                       |                      |                              |
| <b>Biên Hòa</b>  | Trước 12h        | Trước 14h          | <b>150,000</b>      | <b>15,000</b>         | Các phường Nội thành |                              |
|  | Trước 15h        | Trước 17h          |                     |                       |                      |                              |
| <b>Bình Dương</b>  | Trước 12h        | Trước 14h          | <b>150,000</b>      | <b>15,000</b>         | TDM, Dĩ An, Thuận An |                              |
|  | Trước 15h        | Trước 17h          |                     |                       |                      |                              |
| - <b>Phụ phí vận chuyển hàng VUN</b> (Linh kiện điện tử, máy quay phim, máy ảnh, máy tính xách tay, điện thoại di động, thiết bị điện tử PDA, sim thẻ điện thoại...) |                  |                    |                     | <b>100,000đ /kiện</b> |                      | Áp dụng cho đường hàng không |

### Ghi chú:

- Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 10%
- Khu vực phát hàng là trung tâm các thành phố
- Hàng hóa công kênh được tính cước theo công thức quy đổi sau:

$$\text{Trọng lượng quy đổi (kg)} = \text{Dài} \times \text{Rộng} \times \text{Cao} / 3000$$

- Hàng hóa không thuộc hàng cấm gửi, có đủ giấy tờ pháp nhân cần thiết.
- Bên Proship sẽ cập nhật thông tin đơn hàng liên tục cho quý khách.
- Proship được miễn trừ trách nhiệm đối với các sự cố ngoài ý muốn như: hủy chuyến bay, chuyển bay bị hoãn, thiên tai...

## VIII. THANH TOÁN CHUYỂN TRẢ CÔNG NỢ

### 2.1 Điều kiện và thời gian thanh toán

| Thời gian thanh toán      | Thứ 2   | Thứ 4  | Thứ 6   |
|---------------------------|---|--|---|
| Loại đơn hàng             | Các đơn hàng đi tỉnh  | Các đơn hàng đi nội thành  | Các đơn hàng đi nội thành   |
| Điều kiện được thanh toán | Đơn hàng đã được giao thành công và được chốt công nợ tới thứ 2 tuần trước. | Đơn hàng đã được giao thành công trong thứ 5, thứ 6, thứ 7, CN của tuần trước và thứ 2 của tuần này. | Đơn hàng đã được giao thành công trong thứ 3 và thứ 4 của tuần này. |

### 2.2 Phương thức thanh toán:

- ProShip chấp nhận thanh toán qua ngân hàng Vietcombank, ACB, Eximbank hoặc nhận tiền mặt tại văn phòng ProShip.
- Proship sẽ gửi email xác nhận công nợ và khấu trừ cước phí giao hàng tại thời điểm thanh toán công nợ
- Phí chuyển tiền: người nhận chịu phí này.

| Phí Chuyển khoản Ngân hàng       | Vietcombank | ACB      | Eximbank |
|----------------------------------|-------------|----------|----------|
| Cùng ngân hàng cùng tỉnh         | 4,400 đ     | 3,000 đ  | Miễn Phí |
| Cùng ngân hàng khác tỉnh         | 15,400 đ    | 15,000 đ | Miễn Phí |
| Khác ngân hàng trong phạm vi HCM | 11.000đ     | 0.03%    | Miễn Phí |
| Khác ngân hàng ngoài phạm vi HCM | 11.000đ     | 0.05%    | Miễn Phí |

### Lưu ý:

- Để được thanh toán bằng tiền mặt tại trụ sở ProShip:
  - + Điều kiện thanh toán: Những đơn nội thành sau 24h, những đơn đi tỉnh sau 48h kể từ khi đơn hàng giao thành công.
  - + Quý khách vui lòng thông báo với ProShip trước 60 phút (giờ hành chính) và đến nhận theo lịch trên.

# CHÍNH SÁCH BỒI THƯỜNG

## I. BƯU GỬI BẼ VỠ, HƯ HỎNG DO LỖI CỦA PROSHIP

### 1. Bưu gửi bẻ vỡ, hư hỏng không hoàn toàn:

- a) Trường hợp bưu gửi có khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường theo tỉ lệ % hư hỏng của hàng hóa.  
- Bưu gửi giao thành công: Bồi thường theo tỉ lệ % hư hỏng của hàng hóa, khách chịu phí.

*Ví dụ: Khách hàng gửi 3 điện thoại iPhone 30.000.000đ bị vỡ màn hình, thay màn hình 1 cái mới giá 1.000.000 đồng, người nhận đồng ý nhận hàng, công ty sẽ bồi thường phí thay màn hình 1.000.000 đồng và giao hàng cho khách.*

- Bưu gửi giao thất bại, chuyển hoàn: Bồi thường theo % hư hỏng của hàng hóa, Proship chịu phí giao và chuyển hoàn hàng về tận tay người gửi.

*Ví dụ: Khách gửi điện thoại iPhone 10.000.000đ bị vỡ màn hình, thay màn hình mới giá 1.000.000đ, người nhận không đồng ý nhận hàng thì công ty sẽ bồi thường phí thay màn hình và chuyển hoàn về cho người gửi, Proship chịu phí này.*

- b) Trường hợp bưu gửi không khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường theo tỉ lệ % hư hỏng nhưng không quá 4 lần cước phí, tối đa là 3 triệu đồng.

*Ví dụ: Khách hàng gửi đơn hàng tổng giá trị 10.000.000, tỉ lệ hư hỏng 50% (5.000.000), Cước phí đơn hàng là 1.000.000, Khách hàng không khai giá bảo hiểm, đơn hàng sẽ được bồi thường 4 lần cước phí (1.000.000 \* 4 = 4.000.000) tuy nhiên bồi thường tối đa 3.000.000 nên đơn hàng được bồi thường 3.000.000 đồng.*

### 2. Bưu gửi bẻ vỡ, hư hỏng hoàn toàn:

- a) Trường hợp có khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường 100% giá trị đơn hàng, khách hàng chịu cước phí vận chuyển như đơn hàng giao thành công, hàng hư hỏng Proship giữ.

*VD: Khách hàng gửi điện thoại giá trị 10.000.000, có khai giá bảo hiểm, trong quá trình vận chuyển hàng bị hư hỏng hoàn toàn, Proship sẽ bồi thường giá trị đơn hàng 10.000.000 cho khách hàng như đơn giao thành công, khách hàng chịu phí và sản phẩm hư hỏng Proship giữ lại.*

- b) Trường hợp không khai giá trị bảo hiểm: bồi thường 4 lần cước phí của đơn hàng, tối đa 3 triệu đồng.

*VD: Khách gửi đơn hàng cước phí 1.000.000 đồng, không khai giá bảo hiểm, khi xảy ra trường hợp hư hỏng, bẻ vỡ Proship bồi thường 4 lần cước phí (1.000.000 \* 4 = 4.000.000) tuy nhiên tối đa bồi thường 3.000.000 nên đơn hàng sẽ được bồi thường 3.000.000 đồng.*

## II. BƯU GỬI MẤT MẮT, THẤT LẠC

### 1. Bưu gửi có thu hộ:

- a) Có khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường 100% giá trị khai báo hàng hóa.

*Ví dụ: Đơn hàng giá trị 1.000.000 đồng, nhưng người nhận đã chuyển khoản trước nên thu hộ còn 500.000, Khách hàng khai giá 1.000.000 sẽ được bồi thường đúng 1.000.000.*

- b) Không khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường theo giá trị COD, tối đa 3 triệu đồng.

*Ví dụ: Đơn hàng giá trị 1.000.000, nhưng người nhận đã chuyển khoản trước nên chỉ thu hộ 500.000, khách không khai giá trị bảo hiểm, Proship sẽ bồi thường theo số tiền thu hộ 500.000 đồng.*

## 2. Bưu gửi không thu hộ:

- a) Có khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường 100% giá trị khai báo hàng hóa.

*Ví dụ: Đơn hàng giá trị 3.000.000 đồng, tuy nhiên người nhận đã chuyển khoản cho đơn vị bán hàng, đơn hàng khách không nhập thu hộ nhưng có khai giá bảo hiểm, khi bưu gửi mất mát hoặc thất lạc Proship sẽ bồi thường 3.000.000 đồng.*

- b) Không khai giá trị bảo hiểm: Bồi thường 4 lần cước phí, tối đa 3 triệu đồng.

*Ví dụ: Đơn hàng giá trị 3.000.000 đồng, cước vận chuyển 1.000.000 đồng, tuy nhiên người nhận đã chuyển khoản cho đơn vị bán hàng, đơn hàng khách không nhập thu hộ và không khai giá bảo hiểm, khi xảy ra trường hợp mất mát hoặc thất lạc sẽ bồi thường 4 lần cước phí (1.000.000 \*4= 4.000.000) tuy nhiên tối đa bồi thường 3.000.000 nên đơn hàng sẽ được bồi thường 3.000.000 đồng.*

### **Lưu ý:**

- Hàng hóa cần có giấy tờ chứng minh nguồn gốc, giá trị đúng của sản phẩm khi khai giá bảo hiểm.
- Miễn trừ trách nhiệm khi người nhận đã nhận hàng và ký xác nhận vào Bill nhận hàng của Bưu tá rồi thì khiếu nại Proship sẽ không chịu trách nhiệm

| Stt | Địa chỉ phát    |           |          |     |                |           |          |
|-----|-----------------|-----------|----------|-----|----------------|-----------|----------|
|     | Tỉnh đến        | Trung tâm | Huyện xã | Stt | Tỉnh đến       | Trung tâm | Huyện xã |
| 1   | N.tỉnh TP.HCM   | 0.5       | 1        | 33  | Kiên Giang     | 1-2       | 2-3      |
| 2   | Hà Nội          | 1         | 1.5      | 34  | Kon Tum        | 2-3       | 3-4      |
| 3   | Đà Nẵng         | 1         | 1.5      | 35  | Lai Châu       | 2-3       | 3-4      |
| 4   | An Giang        | 1-2       | 2-3      | 36  | Lâm Đồng       | 2-3       | 3-4      |
| 5   | Bà Rịa Vũng Tàu | 1-2       | 2-3      | 37  | Lạng Sơn       | 2-3       | 3-4      |
| 6   | Bắc Giang       | 2-3       | 3-4      | 38  | Lào Cai        | 2-3       | 3-4      |
| 7   | Bắc Kạn         | 2-3       | 3-4      | 39  | Long An        | 1-2       | 2-3      |
| 8   | Bạc Liêu        | 1-2       | 2-3      | 40  | Nam Định       | 2-3       | 3-4      |
| 9   | Bắc Ninh        | 2-3       | 3-4      | 41  | Nghệ An        | 2-3       | 3-4      |
| 10  | Bến Tre         | 1-2       | 2-3      | 42  | Ninh Bình      | 2-3       | 3-4      |
| 11  | Bình Định       | 2-3       | 3-4      | 43  | Ninh Thuận     | 2-3       | 3-4      |
| 12  | Bình Dương      | 1-2       | 2-3      | 44  | Phú Thọ        | 2-3       | 3-4      |
| 13  | Bình Phước      | 1-2       | 2-3      | 45  | Phú Yên        | 2-3       | 3-4      |
| 14  | Bình Thuận      | 1-2       | 2-3      | 46  | Quảng Bình     | 2-3       | 3-4      |
| 15  | Cà Mau          | 1-2       | 2-3      | 47  | Quảng Nam      | 2-3       | 3-4      |
| 16  | Cần Thơ         | 1-2       | 2-3      | 48  | Quảng Ngãi     | 2-3       | 3-4      |
| 17  | Cao Bằng        | 2-3       | 3-4      | 49  | Quảng Ninh     | 2-3       | 3-4      |
| 18  | Đắc Lắc         | 2-3       | 3-4      | 50  | Quảng Trị      | 2-3       | 3-4      |
| 19  | Đắk Nông        | 2-3       | 3-4      | 51  | Sóc Trăng      | 1-2       | 2-3      |
| 20  | Điện Biên       | 2-3       | 3-4      | 52  | Sơn La         | 2-3       | 3-4      |
| 21  | Đồng Nai        | 1-2       | 2-3      | 53  | Tây Ninh       | 2-3       | 3-4      |
| 22  | Đồng Tháp       | 1-2       | 2-3      | 54  | Thái Bình      | 2-3       | 3-4      |
| 23  | Gia Lai         | 2-3       | 3-4      | 55  | Thái Nguyên    | 2-3       | 3-4      |
| 24  | Hà Giang        | 2-3       | 3-4      | 56  | Thanh Hóa      | 2-3       | 3-4      |
| 25  | Hà Nam          | 2-3       | 3-4      | 57  | Thừa Thiên Huế | 2-3       | 3-4      |
| 26  | Hà Tĩnh         | 2-3       | 3-4      | 58  | Tiền Giang     | 1-2       | 2-3      |
| 27  | Hải Dương       | 2-3       | 3-4      | 59  | Trà Vinh       | 1-2       | 2-3      |
| 28  | Hải Phòng       | 2-3       | 3-4      | 60  | Tuyên Quang    | 2-3       | 3-4      |
| 29  | Hậu Giang       | 2-3       | 3-4      | 61  | Vĩnh Long      | 2-3       | 3-4      |
| 30  | Hòa Bình        | 2-3       | 3-4      | 62  | Vĩnh Phúc      | 2-3       | 3-4      |
| 31  | Hung Yên        | 2-3       | 3-4      | 63  | Yên Bái        | 2-3       | 3-4      |
| 32  | Khánh Hòa       | 1-2       | 2-3      | 64  |                |           |          |

**Lưu ý:**

- Chỉ tiêu thời gian dịch vụ trong nước đến Trung tâm tỉnh / Thành phố được tính bắt đầu từ khi nhận tại địa chỉ nhận gửi thuộc địa bàn trung tâm tỉnh, thành phố và kết thúc đến khi phát tại địa chỉ phát thuộc địa bàn trung tâm tỉnh, thành phố.
- Chỉ tiêu thời gian phát đến trung tâm huyện (cộng thêm từ +1 đến +2.5 so với chỉ tiêu đến trung tâm tỉnh / TP., tùy theo từng tỉnh).



- *Chỉ tiêu thời gian phát đến địa bàn xã (cộng thêm từ +1.5 đến +3.5 so với chỉ tiêu đến trung tâm tỉnh / TP., tùy theo từng tỉnh). Đặc biệt, Chỉ tiêu thời gian phát đến địa bàn xã đặc biệt khó khăn (cộng thêm 7 ngày so với chỉ tiêu đến trung tâm tỉnh / TP).*
- *Đối với địa chỉ nhận là nhà riêng: chỉ tiêu thời gian toàn trình của dịch vụ không kể thời gian nghỉ Tết Nguyên đán.*
- *Đối với địa chỉ nhận là các tổ chức, cơ quan, đoàn thể:*
  - \* *Chỉ tiêu thời gian toàn trình của dịch vụ không kể ngày nghỉ cuối tuần, ngày lễ, Tết.*
  - \* *Việc tổ chức phát bưu gửi có địa chỉ nhận là tổ chức, cơ quan, đoàn thể được thực hiện trong giờ hành chính.*

**ProShip rất hân hạnh được phục vụ quý khách !!!**

**Hotline: 1900 1247**